

# **NHẬN THỨC PHẬT GIÁO**

*(Giáo dục hạnh phúc mỹ mãn)*

*Chủ giảng: Pháp sư Tịnh Không*

*Địa điểm: Thành phố Brisbane-Úc*

*Thời gian: Ngày 07/01/1996*

*Viết dịch: BBD Pháp Âm Tuyên Lư*

## **Tập 2**

Xin chào chư vị đồng tu! Hôm qua chúng ta đã giới thiệu Phật giáo là giáo dục của Phật-đà đối với hết thảy chúng sanh, đây là điều mà người học Phật chúng ta trước tiên nhất định phải nhận thức rõ ràng. Sau khi hiểu rõ mục tiêu giáo học của Phật pháp rồi thì chúng ta đối với kinh điển Phật giáo sẽ có cách nhìn khác hẳn. Kinh điển Phật giáo có thể nói là bộ sách có phân lượng lớn nhất trên thế gian. Hết thảy học thuyết trên thế gian này, bao gồm cả các tôn giáo ở trong đó thì sự phong phú về điển tịch đều không thể vượt qua Phật giáo.

Kinh điển Phật giáo nhiều đến như vậy, rốt cuộc bên trong là nói về điều gì? Việc này chúng ta không thể không biết. Người học Phật rất nhiều, người đọc kinh cũng không ít, thậm chí người giảng kinh cũng rất nhiều. Tôi đã từng gặp một vị giảng kinh là cư sĩ tại gia, giảng cũng khá nổi tiếng, thường ở rất nhiều trường đại học, cao đẳng giảng giải kinh Phật. Có một lần tôi gặp ông ấy, tôi liền hỏi ông, tôi nói: “Những kinh điển hiện nay ông giảng đều là kinh luận quan trọng của Đại thừa, vậy toàn bộ Đại tạng kinh rốt cuộc là giảng về điều gì? Ông có thể dùng một câu để trả lời cho tôi được không?” Ông ta nghe xong, cũng suy nghĩ một hồi rất lâu nhưng không trả lời được, thế là ông ấy liền hỏi ngược lại tôi. Tôi nói với ông rằng: Hết thảy kinh do đức Phật Thích-ca Mâu-ni thuyết trong bốn mươi chín năm chỉ nói rõ một việc, nếu như dùng danh từ của Phật giáo thì như trong kinh Bát-nhã nói chính là “chư pháp thật tướng”. Chư pháp là hết thảy pháp, thật tướng chính là chân tướng. Câu nói này nếu dùng lời hiện nay để nói chính là chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Vũ trụ là hoàn cảnh sinh hoạt của chúng ta, nhân sinh là bản thân của chúng ta. Từ đây có thể biết, tất cả kinh mà đức Phật Thích-ca Mâu-ni giảng, nội dung chính là nói về chân tướng bản thân và hoàn cảnh sinh hoạt của chính chúng ta. Tôi bảo ông ấy nghĩ thử xem, tôi nói: “Tôi trả lời như vậy, ông có đồng tình hay không?” Nếu như không biết được kinh Phật nói về điều gì thì chúng ta đối với kinh điển của Phật sẽ không có cách gì lý giải được, mở cuốn kinh ra bạn liền nghĩ ngợi lung tung, càng nghĩ càng cách xa, càng nghĩ càng thấy Phật pháp cùng với đời sống của chúng ta không có liên quan gì hết, đem nó xem thành học thuyết huyền bí mất rồi, vậy thì còn tác dụng gì nữa! Cho nên, nhất định phải nhận thức việc này cho rõ ràng.

Bát luận là kinh điển Đại thừa hay Tiểu thừa, sâu hay cạn, mỗi câu mỗi chữ đều có quan hệ mật thiết với sinh hoạt thường ngày của chúng ta, sau đó mới hiểu được tiên sinh Âu Dương Cánh Vô nói với chúng ta: “Phật pháp là điều mà người

thời nay nhất định phải cần đến”, chúng ta đồng ý với cách nói này, vì thế có thể khẳng định ông nói rất chính xác. Cho nên, mỗi câu mỗi chữ trong kinh điển cùng với đời sống của chúng ta có quan hệ mật thiết. Từ đây có thể biết Phật pháp nhất định không mê tín.

Chúng ta học Phật là từ chỗ nào bước vào? Điều này rất quan trọng! Bắt đầu học từ chỗ nào? Hôm qua đã nói sơ lược một chút với quý vị đồng tu về ý nghĩa biểu pháp của danh hiệu chư Phật, Bồ-tát, việc này nhất định phải hiểu thì mới biết được sự viên mãn của phương pháp giáo học trong Phật pháp, ở trong Phật môn chúng ta gọi là phương tiện thiện xảo, dùng lời hiện nay mà nói chính là cảnh giới nghệ thuật cao độ. Giáo học của Phật giáo mấy ngàn năm qua đã hướng tới nghệ thuật hóa. Hết thấy danh hiệu, hình tượng của chư Phật mà chúng ta tạo, tượng chư Phật đều là đại biểu cho tánh đức của chúng ta, trong chân tâm bản tánh của chính chúng ta vốn dĩ đầy đủ; phàm là danh hiệu của Bồ-tát cùng với hình tượng của các ngài đều là đại biểu cho tu đức, cũng chính là nói cho chúng ta biết ở ngay trong cuộc sống thường ngày chúng ta cần phải tu học như thế nào mới có thể khiến cho tánh đức của chính mình hoàn toàn hiển lộ ra và đạt được thọ dụng ở ngay trong đời sống. Như vậy có thể thấy được, giáo dục của Phật-đà đích thực siêu vượt hơn tất cả giáo dục trong thế gian.

Mỗi một vị đồng tu, tôi nghĩ chính bản thân quý vị đều đã trải qua những cảm nhận này. Chúng ta đã từng học qua tiểu học, trung học và đại học, học qua rất nhiều khóa học, sau khi tốt nghiệp ra ngoài có thể áp dụng được mấy thứ vào trong cuộc sống hằng ngày? Nếu như học những thứ này mà không thể áp dụng, quý vị nghĩ xem chúng ta đã lãng phí bao nhiêu thời gian, hao tổn bao nhiêu công sức, những thứ học được không thể dùng! Loại giáo dục như vậy là có khiếm khuyết, không phải là một nền giáo dục tốt. Giáo dục tốt quyết định không lãng phí một giây, một phút nào của chúng ta, những gì chúng ta học được liền có thể ứng dụng ngay trong cuộc sống, đây mới gọi là giáo dục tốt, là nền giáo dục chí thiện viên mãn, Phật pháp có thể đạt tới tiêu chuẩn này.

Phật giáo ở Trung Quốc, đặc biệt là Phật pháp Đại thừa, chúng ta lấy bốn vị đại Bồ-tát làm đại biểu, đại biểu cho thứ lớp tu học của chúng ta, đại biểu cho cảnh giới tu học của chúng ta. Bốn vị Bồ-tát này tuy là có thứ lớp, nhưng trong thứ lớp có viên dung, như vậy mới chân thật gọi là viên mãn. Trong thứ lớp không có viên dung, trong viên dung không có thứ lớp, đây không phải là việc hoàn hảo nhất, cũng không phải là việc tốt nhất. Cho nên trong thứ lớp nó có viên dung, viên dung chính là không có thứ lớp, không có thứ lớp nhưng lại có thứ lớp. Giống như chúng ta đi lên nhà cao tầng này, nhà cao tầng có cầu thang, cầu thang là thứ lớp, ngoài cầu thang ra còn có thang máy, thang máy chính là không có thứ lớp, đồng thời đầy đủ như vậy thì mới viên mãn, chúng ta mới yên tâm! Việc này dùng để thí dụ cho Phật pháp, Phật pháp rất giống với thí dụ này.

Từ trên thứ lớp mà nói thì vị thứ nhất là Địa Tạng Bồ-tát, chúng ta từ nơi nào bắt tay vào? Từ Địa Tạng Bồ-tát mà bắt tay vào. Học hội Tịnh tông nơi này, gần đây mua được một hội sở, đã có đất rồi. Hết thấy pháp thế gian và xuất thế gian nếu bạn không có đất đai, không có nơi chốn, bạn làm việc gì cũng không

thể thành công. Bản thân mỗi người cũng phải có một ngôi nhà nhỏ, cũng phải có một mảnh đất nhỏ mới có thể dừng chân, đất đai là cái quan trọng nhất.

Thế nên, ngài Địa Tạng Bồ-tát đại biểu cho địa, địa này là tâm địa, tạng là kho tàng quý báu. Chúng ta biết, mỗi người chúng ta sinh sống ở thế gian này không thể nào tách rời đại địa, chúng ta phải nương vào đây để sinh tồn. Quần áo, thức ăn, đồ dùng đều phải dựa vào sản vật của đại địa, cho nên kho tàng của đại địa hàm chứa vô tận, chúng ta lấy không hết, dùng không tận. Phật dạy chúng ta tu học, trước tiên phải hạ công phu từ trên tâm địa, trong chân tâm bản tánh của chúng ta có vô lượng trí tuệ, có vô lượng đức năng, đó chính là những gì hàm chứa trong tâm của bạn, trong tâm tánh của chính mình vốn dĩ đầy đủ.

Mặc dù tự tánh có vô lượng trí tuệ đức năng, nhưng trí tuệ đức năng hiện nay của chúng ta hình như đã mất rồi, biến thành không có trí tuệ, không có năng lực. Nhưng Phật nói với chúng ta, trí tuệ đức năng của chúng ta cùng với chư Phật, Bồ-tát không hai không khác. Cái năng lực này đã đánh mất rồi. Tuy rằng đánh mất, nhưng đức Phật nói với chúng ta không phải hoàn toàn mất thật, tại sao bị mất vậy? Bị mê mất. Nếu như bạn giác ngộ rồi thì trí tuệ đức năng này lập tức lại hiện tiền, lại khôi phục. Dáng vẻ của mê là gì? Trước tiên, chúng ta không cần nghiên cứu về lý luận của mê, vì sao lại mê, việc đó nói ra thì rất dài. Dáng vẻ của mê là như thế nào? Vọng tưởng là mê, phân biệt là mê, chấp trước là mê. Hiện nay chúng ta chân thật từ sáng đến tối khởi tâm động niệm đều là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đây là dáng vẻ của mê.

Dáng vẻ của giác là như thế nào? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước hết thấy đều không còn nữa, đây chính là dáng vẻ của giác. Cho nên, trên kinh đức Phật nói với chúng ta “chân tâm lìa niệm”. Mỗi người chúng ta đều có chân tâm, trong chân tâm không có vọng niệm, tâm mà có vọng niệm thì gọi là vọng tâm, tâm không có vọng niệm là chân tâm, nếu trong chân tâm mà có vọng niệm thì không còn gọi nó là chân tâm nữa, mà gọi là vọng tâm, chân tâm là tâm lìa niệm. Chúng ta học Phật không có gì khác chỉ là khôi phục chân tâm mà thôi. Đây cũng chính là mục tiêu tu học hàng đầu, đem kho báu của tâm địa chúng ta khai phát ra.

Phật pháp không phải hướng ngoại cầu, điều này mọi người muôn vàn lần chớ quên, Phật pháp là hướng vào bên trong tự tánh để cầu, cho nên Phật pháp là tâm pháp. Ở Ấn Độ thời xưa, Phật học gọi là Nội minh, họ cũng đem khóa trình này phân loại nhưng không phân nhỏ giống như hiện nay, họ phân rất đơn giản, phân làm năm khoa lớn. Trong đó triết học của Phật học được xếp vào Nội minh, đây là hướng vào trong nội tâm để cầu, không phải hướng ra bên ngoài. Cho nên, Phật pháp là giáo dục khởi phát tự tánh, giáo dục khôi phục bản năng. Trong kinh Địa Tạng đã giảng pháp môn này cho chúng ta, nói cho chúng ta biết trong tâm tánh của chính mình đầy đủ đại viên mãn. Tôi tin rằng rất nhiều vị đồng tu đã đọc qua kinh Địa Tạng, nếu như bạn không hiểu được ý kinh thì bạn đọc kinh Địa Tạng cũng giống như đọc tiểu thuyết thần thoại vậy.

Kinh điển của Phật từ trên bề ngoài mà xem có thể phân thành hai loại lớn: Một loại là giảng về sự, kinh Địa Tạng giảng về sự, kinh A-di-đà cũng giảng về

sự. Thế nên, khi bạn đọc giống như đang đọc tiểu thuyết vậy, cảm thấy không có gì hay cả. Nhưng loại kinh điển này là khó giảng nhất, trong sự có đạo lý; bạn không thể đem đạo lý giảng rõ ràng, giảng tường tận thì ai mà tin tưởng được những việc này! Thành ra loại kinh điển này khó giảng. Ngoài ra còn có một loại khác là giảng về lý, như kinh Kim Cang giảng lý, Bát-nhã Tâm Kinh giảng lý, kinh giảng về lý thì ngược lại chúng ta dễ hiểu, rất bội phục. Nhưng trong lý có sự, nếu như không nói ra được sự thật thì những lý của đạo lý ấy đều là trống không, đều biến thành lý lẽ suông. Đây là điều mà người nghiên cứu, giảng giải kinh luận Phật pháp như chúng ta không thể không biết. Chỗ giảng về sự, bạn phải hiểu được lý; chỗ giảng về lý, bạn phải hiểu được lý này cần ứng dụng vào trong đời sống sinh hoạt hằng ngày như thế nào.

Vừa mở đầu kinh Địa Tạng, lúc chưa giảng đến kinh văn, trước tiên đức Phật phóng quang hiện tướng lành, phóng “đại quang minh vân”, đây chính là một cách thức biểu thị giáo nghĩa của toàn kinh. Quang minh là trí tuệ, đại quang minh chính là trí tuệ cứu cánh viên mãn, là trí tuệ “không gì không biết, không gì không thể”. Loại trí tuệ này ở đâu? Ở ngay trong tâm tánh của chính chúng ta. Trong hết thảy kinh điển, Phật thường dùng “mây” để làm thí dụ, thí dụ cho chân tướng sự thật này. Mây, bạn nói nó có hay là không có? Nếu như nói không có, chúng ta nhìn lên bầu trời thấy từng đám mây một vô cùng rõ ràng, thực tế là thấy, thấy rất rõ ràng, nó là có! Hiện nay, chúng ta ngồi trên máy bay, bay tới phía trên đó, mây còn có hay không? Không có rồi. Cho nên, Phật dùng chữ “mây” để đại biểu cho sự việc này, không thể nói nó có, cũng không thể nói nó không. Chẳng có chẳng không, đây mới là chân tướng sự thật. Bạn nói nó nhất định có, sai rồi, bạn thấy sai rồi; bạn nói nó nhất định không có, bạn cũng thấy sai luôn, đó đều gọi là mê.

Ngày nay chúng ta đem hết thảy sự tướng của vũ trụ nhân sinh xem là có thật, cho điều ấy là đúng, chúng ta thấy sai rồi. Hết thảy các pháp, bao gồm cả thân thể chúng ta đều chẳng có chẳng không, đây là chân tướng. Cho nên, không thể nói nó có, cũng không thể nói nó không. Bạn nói không có nhưng cái hình tướng này rõ ràng tồn tại. Bạn nói nó có nhưng bản thể của nó là không, chẳng thể có được, câu nói này rất khó hiểu. Nhà khoa học phương Tây ngày nay biết được, ở trong vật lý học tiên bộ họ đã phát hiện hết thảy vật chất giống như hiện tượng nhân duyên kết hợp mà trong Phật pháp nói đến. Duyên hợp lại thì hình tướng này liền tồn tại, duyên tan rồi thì hình tướng này liền không còn nữa, nhà khoa học hiểu được đạo lý này. Nếu như chúng ta hiểu được đạo lý này thì sẽ hiểu được cách nói “chẳng có chẳng không” mà Phật giảng cho chúng ta. Chúng ta liền có thể thể hội, liền có thể hiểu được.

Thí dụ như chúng ta xem thấy có cái khăn lông này, một mặt là có. Phật nói với chúng ta nó chẳng có chẳng không, bạn không thể nói nó có, vì sao vậy? Nó là do nhân duyên hợp thành. Chúng ta cầm lấy đầu sợi chỉ này, một khi kéo ra, kéo dài ra rồi thì nó chỉ là một sợi chỉ, sợi chỉ đan lại thành một chiếc khăn lông này. Thế nên, khi bạn đem nó tháo ra thành một sợi chỉ, tướng của khăn không còn nữa. Kỳ thật lúc chưa tháo, nếu bạn xem khăn lông là một sợi chỉ, khăn lông ấy còn đâu? Hết thảy pháp đều là như vậy.

Hiện nay, vật lý học phân tích được rất vi tế, đem tất cả vật chất phân chia thành phân tử, phân thành nguyên tử, phân thành điện tử, phân thành hạt tử, họ từ chỗ này xem thấy tất cả pháp đều chẳng có. Nhưng từ trên cả hình tướng lớn mà nhìn thì hết thấy pháp chẳng không. Phật vì muốn đem chân tướng này nói rõ ràng, nói sáng tỏ nên đã dùng “mây” để làm thí dụ, biểu thị hết thấy vạn pháp chẳng có cũng chẳng không, đây mới là chân tướng sự thật.

Do đó, Phật giáo cho chúng ta quan điểm về đời sống, ở trên kinh Kim Cang đã nói ra một đại nguyên tắc, một tổng nguyên tắc gọi là “vô trụ sanh tâm”. Vô trụ là gì? Bạn không nên cho rằng là thật, không nên chấp trước, tất cả đều là giả. Nếu bạn nhận nó là thật rồi chấp trước nó, vậy thì sai rồi! Cho nên dạy bạn vô trụ, tâm này của bạn tự tại biết bao! Vô trụ, nói đơn giản là tâm chúng ta phải thanh tịnh, không có lo lắng, không có vướng mắc, không có vọng tưởng, không có phân biệt, không có chấp trước, bạn nói vui vẻ biết dường nào! Tâm của bạn thanh tịnh biết bao! Đây là ý nghĩa của “vô trụ”.

“Sanh tâm”, bạn nhất định phải sanh tâm giúp đỡ hết thấy chúng sanh. Chúng ta sống ở thế gian này đừng vì chính mình, nếu vì chính mình thì phạm vi ấy quá nhỏ, đó chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Ta sống ở thế gian này là vì ai? Vì hết thấy chúng sanh. Bạn nói vì gia đình của tôi, vì họ hàng của tôi, vì quê hương của tôi, vì quốc gia của tôi, phạm vi đó đều quá nhỏ rồi. Quốc gia của bạn tốt, còn quốc gia láng giềng không tốt thì bạn cũng không thể trải qua được những ngày tháng tốt đẹp. Quốc gia của tôi tốt, hy vọng mỗi một quốc gia cũng đều tốt, thiên hạ mới có thể thái bình, mọi người mới có thể đạt được hạnh phúc. Cho nên tâm lượng phải lớn, tầm nhìn phải xa, Phật dạy chúng ta sanh tâm này.

Sanh tâm là từ trên tướng hiện ra mà nói, tướng có tốt xấu, có thiện ác, ở trong Phật pháp nói có mười pháp giới, mười pháp giới là tướng. Hướng lên phía trên có Phật, Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn, xuống phía dưới thì có sáu cõi. Tướng của sáu cõi từ đâu mà có vậy? Từ trong tâm của bạn biến hiện ra. Ai là chủ nhân của sáu cõi mười pháp giới? Là chính mình, không phải bên ngoài, đây là trong kinh Đại thừa Phật thường hay nói: *“Tất cả pháp từ tâm tướng sanh”*. Từ đây có thể biết, tâm tướng này của chúng ta có quan hệ quá lớn.

Ở trên kinh Hoa Nghiêm, Phật giảng vũ trụ nhân sinh là *“duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”*, tướng nhất định là có, tướng nhất định không thể bị diệt mất, điều này phải biết. Tướng không thể bị diệt mất nhưng tướng sẽ biến đổi, không diệt là thật, nhưng nó sẽ biến đổi. Vì sao sẽ biến đổi? Bởi vì bạn có ý nghĩ nên sẽ biến đổi, nghĩ cái gì thì biến thành cái đó, bạn nghĩ Phật thì biến thành Phật, nghĩ Bồ-tát thì biến thành Bồ-tát.

Thế giới ngày nay biến thành động loạn như vậy nguyên nhân ở tại đâu? Bởi vì những điều mà mọi người nghĩ là tham sân si, đều nghĩ tới tham lam, đều nghĩ tới sân hận, đều nghĩ tới si mê, vậy thì thế giới này liền động loạn ngay, không thể tưởng tượng được. Hết thấy pháp từ tâm tướng sanh, vì thế “sanh tâm” là vô cùng, vô cùng quan trọng. Cho nên Phật dạy chúng ta không nên sanh tâm luân hồi, không nên sanh tâm lục đạo. Sanh tâm gì tốt nhất? Sanh tâm thành Phật.

Thế nên, hết thầy chư Phật đều khuyên chúng ta niệm A-di-đà Phật, niệm A-di-đà Phật tốt, niệm A-di-đà Phật thì tương lai thành A-di-đà Phật. Thành Phật khác không tốt hay sao? Các vị Phật khác không bằng A-di-đà Phật hay sao? Phật đều là bình đẳng, Phật Phật đạo đồng, Phật Phật bình đẳng, vì sao A-di-đà Phật lại thù thắng hơn? Chúng ta đọc được trên kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật Thích-ca Mâu-ni vì chúng ta giới thiệu “*mười phương hết thầy chư Phật Như Lai thì A-di-đà là bậc nhất*”, trên kinh xưng tán ngài là “*ánh sáng tôn quý nhất, vua trong các vị Phật*”, A-di-đà Phật là vua trong các vị Phật! Cho nên, đức Phật Thích-ca Mâu-ni dạy chúng ta đi làm A-di-đà Phật, không làm những vị Phật khác. Làm Phật khác không phải vua trong các vị Phật, tương lai nếu như gặp lại Thích-ca Mâu-ni Phật, biết được có A-di-đà Phật thì bạn sẽ trách ngài: “*Thích-ca Mâu-ni Phật, vì sao ngài không dạy con niệm A-di-đà Phật mà lại dạy con niệm Phật khác, ngài không thật lòng, ngài có lỗi với con*”, xác thực là như vậy. Cho nên, đức Phật Thích-ca Mâu-ni chính mình cũng niệm A-di-đà Phật, không có một vị Phật nào không niệm A-di-đà Phật, đây là điều mà chúng ta thấy được ở trong kinh Vô Lượng Thọ và kinh A-di-đà. Đoạn sáu phương Phật trong kinh A-di-đà chính là như vậy, không có một vị Phật nào không niệm A-di-đà Phật, A-di-đà Phật là cứu cánh nhất trong các Phật, là đại viên mãn trong các Phật, bạn xem điều này có ý nghĩa biết bao.

Tôi biết được pháp thù thắng bậc nhất trong tất cả pháp nhưng tôi không nói cho bạn biết, chỉ nói cho bạn những pháp bậc hai, bậc ba thì tôi có lỗi với bạn. Tuy bây giờ bạn không biết được nhưng thế nào cũng có ngày bạn sẽ nhận ra, thế nào cũng có ngày chúng ta gặp nhau, khi gặp lại thì khó mà nói chuyện rồi. Hôm nay, tôi đem pháp môn bậc nhất nói với bạn, bạn không tiếp nhận, nếu sau này bạn đi qua rất nhiều đoạn đường oan uổng, lần sau bạn gặp lại tôi cũng không còn gì để nói. “*Ôi! Trước đây vì không nghe theo lời của thầy nên phải đi qua biết bao nhiêu đoạn đường oan uổng như vậy, con rất hổ thẹn*”. Không phải là tôi có lỗi với bạn, là chính bạn do dự hoài nghi, không thể tiếp nhận nên đã đi sai đường.

Phật, Bồ-tát đối với tất cả chúng sanh là đại từ đại bi. Hai chữ “từ bi”, dùng lời hiện nay để nói chính là quan tâm, thương yêu che chở. Sự quan tâm, thương yêu của chư Phật, Bồ-tát đối với tất cả chúng sanh vượt hơn cả cha mẹ, vượt hơn cả người thân. Những thứ các ngài cho chúng ta nhất định là tốt nhất; không thể tiếp nhận thứ tốt nhất thì sẽ cho bạn thứ tốt hạng hai, sẽ cho bạn thứ tốt hạng ba. Chư Phật, Bồ-tát tiếp dẫn chúng sanh, giáo hóa chúng sanh, thái độ và phương thức của các ngài tất nhiên là như vậy.

Trí tuệ đức năng của tâm tánh là vô lượng vô biên, trên kinh Địa Tạng chỉ dùng mười câu nói để hiển thị ý nghĩa, cũng chính là đem trí tuệ đức năng vô lượng vô biên quy nạp thành mười loại lớn, để thuận tiện cho việc dạy học. Trong mỗi loại, thực tế mà nói đều là vô lượng vô biên, giống như hiện nay quý vị đọc tụng kinh Vô Lượng Thọ, vừa mở đề kinh ra là “*Phật thuyết Đại thừa Vô Lượng Thọ*”, chữ “thọ” đó là một loại trong vô lượng, lấy đó làm đại biểu. Bạn không nên xem thấy vô lượng thọ thì cho rằng chỉ có thọ mạng vô lượng, những thứ khác đều không có, không phải vậy, mọi thứ đều là vô lượng. Nếu nói mọi thứ đều là vô lượng thì sẽ không được rõ ràng, vì thế lấy thọ mạng để làm đại biểu rất

có ý nghĩa, ở trong tất cả vô lượng thì thọ mạng là đệ nhất. Thí dụ như nói bạn có vô lượng trí tuệ, vô lượng tài nghệ, vô lượng năng lực, vô lượng của cải, vô lượng nhà cửa nhưng bạn không có thọ mạng, bạn đoán mạng, vậy thì hết thảy vô lượng đó của bạn đều bằng không rồi. Thế nên, trong hết thảy vô lượng phải lấy thọ mạng làm hàng đầu, bạn có vô lượng thọ thì tất cả vô lượng bạn đều hưởng thụ được rồi, bạn đều được thọ dụng. Cho nên, ở trong tất cả vô lượng thì gọi thọ mạng là đệ nhất, nếu xếp theo thứ tự thì xếp vào hàng đầu. Trên kinh dùng vô lượng thọ để làm đại biểu, tuyệt đối không phải chỉ có một loại, chân thật không có gì không phải là vô lượng, đây chính là mười loại lớn, mọi thứ đều là vô lượng.

Thứ nhất là đại viên mãn, đây là nói chung, còn chín loại phía sau là nói riêng. Câu đầu tiên là “đại viên mãn”, đại viên mãn chính là tư hào khiếm khuyết cũng không có; giống như Thiên tông vào thời nhà Đường, khi Đại sư Lục Tổ Huệ Năng khai ngộ liền hướng về thầy của ngài nêu ra báo cáo, nói rõ tâm đắc của mình, ngài chỉ nói năm câu kệ, trong đó có một câu: “*Nào ngờ tự tánh vốn đầy đủ*”. Thật không ngờ trong chân tâm bản tánh của chính mình hết thảy đều đầy đủ, một thứ cũng không hề khiếm khuyết. Câu kệ đó chính là ý nghĩa như vậy, chính là ý nghĩa của đại viên mãn. Ngoài ra chín điều khác là nói riêng, đều thuộc về cương lĩnh.

Kế đến là từ bi, mười câu này đều gọi là quang minh vân, “*đại viên mãn quang minh vân, đại từ bi quang minh vân, đại trí tuệ quang minh vân*”. Từ đây có thể biết, từ bi là thứ mà xưa nay vốn đầy đủ trong bản tánh, cái này không phải học mà có, mà là thiên tánh. Thời xưa, Mạnh tử có nói: “*Lòng trắc ẩn, mọi người đều có*”. Khi nhìn thấy một đứa trẻ đang gặp nguy hiểm, không cần biết bạn có quen hay không quen, nhất định sẽ đưa tay ra kéo nó lại. Vì sao vậy? Lòng trắc ẩn là thiên tánh, trong bản tánh vốn đầy đủ.

Ngày nay, chúng ta đối với hết thảy chúng sanh tại sao tâm từ bi này lại không còn nữa? Bởi vì đã khởi lên vọng tưởng, trong ấy sinh ra lợi hại, được mất. Khởi lên ý niệm có lợi hay không có lợi cho bản thân, có lợi mới làm, không có lợi thì không làm. Họ khởi loại vọng tưởng, phân biệt, chấp trước này đã làm cho thiên tánh mất đi. Phật pháp dạy chúng ta đoạn trừ tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước để khôi phục lại tự tánh. Chúng ta vốn dĩ đối với hết thảy chúng sanh không có phân biệt, không có chấp trước, thương yêu giúp đỡ bình đẳng như nhau. Quý vị cần phải bình tâm suy ngẫm một chút, bạn nói đời sống như vậy thật đẹp biết bao! Chúng ta thường hay hy vọng “chân, thiện, mỹ”, Phật pháp dạy cho chúng ta xác thực là chân thiện mỹ, chân thiện mỹ là tánh đức của chúng ta, chúng ta vốn dĩ là đầy đủ, hiện nay ba thứ này đều không còn nữa.

“*Đại trí tuệ quang minh vân*”, chúng ta vốn dĩ đầy đủ trí tuệ viên mãn, đối với vũ trụ nhân sinh rất rõ ràng, rất sáng tỏ, không gì không biết, không gì không thể. Ngày nay, trí tuệ cùng đức năng của chúng ta đều mất rồi. Cái mất này vừa mới giảng là mê mất, không phải mất thật sự; nếu như mất thật, vậy thì đó chẳng phải là tự tánh vốn đầy đủ, chỉ mê mất mà thôi, tuy là có nhưng bạn không biết dùng, không khởi được tác dụng. Cho nên, sau khi phá mê khai ngộ thì tác dụng liền hiện tiền, liền khởi tác dụng.

“*Đại Bát-nhã quang minh vân*”, trí tuệ và Bát-nhã có khi là một ý nghĩa, Bát-nhã chính là trí tuệ, trí tuệ chính là Bát-nhã. Nếu như trí tuệ và Bát-nhã cả hai cùng nêu ra vậy thì không phải là một ý nghĩa. Bát-nhã là từ căn bản trí mà nói, trí tuệ là từ hậu đắc trí mà nói. Căn bản trí và hậu đắc trí đây là danh từ Phật học, dùng lời hiện nay để nói thì một cái là bản thể của trí tuệ, một cái là tác dụng của trí tuệ. Bản thể của trí tuệ chúng ta gọi nó là Bát-nhã, tác dụng của trí tuệ chúng ta gọi nó là trí tuệ. Cho nên, trí tuệ và Bát-nhã là hai danh từ hợp lại để nói, có thể có dụng, chính là ý nghĩa này. Vậy thể của Bát-nhã là gì? Đây là điều mà chúng ta không thể không biết. Giống như một cái cây vậy, không có gốc thì cành lá, hoa quả làm sao mà ra được! Bát-nhã là bản thể của trí tuệ, chính là căn bản của trí tuệ, mà tác dụng của trí tuệ chính là cành lá hoa quả.

Người hiện nay hết sức thông minh, hôm qua đã nói với quý vị rồi, Phật không thể không thừa nhận họ giác, giác chính là có trí tuệ, nhưng Phật không thừa nhận họ chánh giác. Vì sao vậy? Chánh giác thì họ phải thật sự có trí tuệ, trí tuệ chân thật. Nếu không phải chánh giác thì cho dù có thông minh tuyệt đỉnh nhưng ở trong nhà Phật nói họ không có trí tuệ, họ không có căn bản của trí tuệ, đương nhiên họ cũng không có cành lá, hoa quả của trí tuệ, đây là đạo lý nhất định! Những gì mà họ biểu hiện đó, trong Phật pháp chúng ta gọi là “thể trí biện thông”. Họ là thông minh trí tuệ của thế gian, không phải là trí tuệ trong Phật pháp mà chúng ta hay nói đến, không phải là trí tuệ chân thật có trong tự tánh, họ chưa có kiến tánh, khác biệt là ở chỗ này.

Căn bản trí tuệ, trong kinh Bát-nhã nói được rất hay, nếu như quý vị hiểu rõ tất cả pháp mà đức Phật nói trong 49 năm thì bạn sẽ biết được trung tâm của Phật pháp nằm ở chỗ nào. Đại đức thời xưa ở Trung Quốc đem giáo pháp đức Phật Thích-ca Mâu-ni cả đời giảng chia làm năm giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất là Phật giảng kinh Hoa Nghiêm, Phật giảng kinh Hoa Nghiêm là ở trong định, khi đức Phật thành đạo, ngồi thiền nhập định dưới cội Bồ-đề, trong định giảng kinh. Người bình thường như chúng ta nhìn không thấy, người bình thường chỉ nhìn thấy đức Phật ngồi thiền dưới cội Bồ-đề, ai biết được ngài đang ở đó giảng kinh. Cho nên hiện nay, Tiểu thừa của Thái Lan và Tiểu thừa của Sri Lanka không thừa nhận Phật pháp Đại thừa, cho rằng Đại thừa là không phải Phật nói. Họ chưa từng nghe nói đức Phật Thích-ca Mâu-ni giảng Phật pháp Đại thừa, đặc biệt là kinh Hoa Nghiêm, căn bản là không thể tiếp nhận.

Phật giảng kinh này là trong “nhị thất nhật” đầu tiên, nhị thất nhật là 14 ngày. Những người tham gia pháp hội này không phải là người bình thường, phải là Pháp thân Đại sĩ thì mới có năng lực đi vào cảnh giới trong định của đức Phật để nghe kinh, người khác không có cách gì. Bạn nói người đó nằm mộng, chúng ta có năng lực đi vào cảnh giới trong mộng của họ hay không? Bạn không có bản lĩnh này thì bạn không thể tham gia được pháp hội của ngài. Cho nên, tham dự pháp hội Hoa Nghiêm là 41 bậc Pháp thân Đại sĩ. Đây là bộ kinh lớn đầu tiên Phật nói, nội dung bên trong là giảng về cảnh giới chân thật viên mãn mà những gì đức Phật thân chứng, cũng chính là giảng về chân tướng vũ trụ nhân sinh của chúng ta, toàn bộ đã nói ra được vô cùng viên mãn, đây là kinh Hoa Nghiêm.



Sau khi giảng kinh Hoa Nghiêm xong, đức Phật hiểu rõ người thế gian không thể tham dự, không có người nào có thể lý giải, không những không thể lý giải mà nhìn cũng nhìn không thấy, nghe cũng nghe không được. Sau đó ngài mới xuất định đi đến vườn Lộc Dã giảng A-hàm độ năm vị tỳ-kheo. A-hàm là kinh Tiểu thừa, bắt đầu giảng từ những điều cơ bản, giống như hiện nay mở trường học, trước tiên là mở lớp tiểu học. Nhưng mục đích của ngài vẫn là hy vọng mọi người có thể hiểu rõ cảnh giới của Hoa Nghiêm, cảnh giới cứu cánh viên mãn, đời sống chân thật tốt đẹp, ngài dạy chúng ta hiểu rõ việc này. Nhưng chúng ta không thể tiếp nhận, không thể hiểu. Vậy thì ngài từ từ bồi dưỡng, mở lớp tiểu học A-hàm 12 năm. Sau đó lại mở lớp Phương Đẳng, Phương Đẳng thì giống như trung học vậy, Phương Đẳng hết 8 năm. Sau Phương Đẳng thì tiếp tục nâng cao lên Bát-nhã, giống như đại học, thời gian này dài nhất, 22 năm. Sau cùng Pháp Hoa là 8 năm, tổng cộng 49 năm. Quý vị thử nghĩ xem 49 năm, kinh Bát-nhã đã giảng 22 năm, gần như một nửa thời gian trong đời là giảng Bát-nhã, qua đây thấy được Bát-nhã là trung tâm của Phật pháp.

Bát-nhã là trí tuệ, trong 22 năm giảng kinh Bát-nhã của đức Phật, chúng ta đem nó tổng kết lại, tổng quy nạp lại, vậy Bát-nhã nói những gì? “*Bát-nhã vô tri, vô sở bất tri*” (Bát-nhã vô tri nhưng không điều gì không biết). Vô tri chính là căn bản trí, chính là “đại Bát-nhã quang minh vân” mà chúng ta vừa mới nói. Vô tri khởi tác dụng là vô sở bất tri, vô sở bất tri chính là “đại trí tuệ quang minh vân”. Khi không khởi tác dụng thì tâm giống như một cái gương, rất sạch sẽ, mây trần không nhiễm. Tâm phải giống như cái gương, tâm phải giống như nước.

Bạn xem chúng ta cúng Phật, phẩm vật cúng Phật rất nhiều nhưng quan trọng nhất là nước. Trong nhà chúng ta có Phật đường, ngày nay có một số người ở nhà chung cư không thuận tiện cho việc thắp hương lắm, căn phòng rất thấp, nếu thắp hương thì trong phòng sẽ bị ám khói, người khác ngủ thấy cũng rất khó chịu, có thể không cần thắp hương, cũng có thể không cần thắp đèn, cũng không cần cúng hoa, nhưng mức độ thấp nhất là phải cúng một ly nước.

Cúng nước là ý nghĩa gì? “Đại Bát-nhã quang minh vân”, biểu thị ý nghĩa này. Cúng một ly nước trong, nghĩa là tâm chúng ta phải trong sạch giống như nước, phải bình đẳng giống như nước, không gợn sóng. Đây chính là căn bản trí, nó biểu thị cho căn bản trí. Nước đó không phải là cúng cho Phật, Bồ-tát uống. Bạn nói tôi cúng một ly nước mời Phật, Bồ-tát, đó là sai rồi, không phải như vậy. Cúng nước là để cho chúng ta nhìn, chúng ta nhìn thấy ly nước này thì phải nghĩ ngay đến tâm mình phải trong sạch giống như nước, phải bình đẳng giống như nước, nó đại biểu cho ý nghĩa này. Đây là điều mà Phật dạy cho chúng ta, dùng phương pháp này để thời thời khắc khắc nhắc nhở chính mình, đó là nghệ thuật dạy học của ngài. Không cần phải dùng ngôn ngữ, không cần phải dùng văn tự, khi bạn nhìn thấy cái này thì có thể biết được tâm, thể hội nơi tâm. Về ý nghĩa biểu pháp liên quan đến những phẩm vật cúng dường này, tới phần sau chúng tôi sẽ báo cáo thêm với mọi người.

Thế nên, cầu trí tuệ phải cầu như thế nào? Trước tiên là cầu vô tri. Cách dạy học thời xưa của Trung Quốc cùng với Phật pháp có rất nhiều chỗ quả thật là không hèn mà gặp, đủ thấy được cổ thánh tiên hiền Trung Quốc chân thật có trí

tuệ cao độ. Không tử, Mạnh tử cùng Thích-ca Mâu-ni Phật chưa từng gặp mặt nhưng lý luận và phương pháp dạy học của các ngài có rất nhiều chỗ tương đồng. Điều này giống như người xưa hay nói: “*Cái thấy của anh hùng thường hay giống nhau*”. Mặc dù chưa từng gặp mặt nhưng cách nhìn, cách nghĩ, cách làm hết sức giống nhau. Giáo dục thời xưa đều là dạy căn bản trí trước, căn bản trí gọi là vô tri. Không giống như trường học hiện nay, kiểu giáo dục hiện nay có thể tạo ra nhân tài nhưng không thể sinh ra thánh hiền. Giáo dục thời xưa có thể tạo ra nhân tài lại có thể sinh ra thánh hiền. Đây là ở trên tư tưởng, trên phương thức giáo dục không giống nhau.

Nếu quý vị có đọc Lễ Kí, bạn xem tiểu học thời xưa ở Trung Quốc, trẻ em bảy tuổi đi học, đi học liền theo thầy giáo không theo cha mẹ nữa. Vào thời đó, đại khái là mỗi tháng vào ngày mùng một, mười lăm được nghỉ học, có thể về nhà thăm cha mẹ một chút. Hiện nay chúng ta dùng cách tính lịch của phương Tây nên ngày chủ nhật được nghỉ. Ngày nghỉ thời xưa của Trung Quốc thông thường là mùng một, mười lăm được nghỉ, tết đến được nghỉ, có thể về nhà thăm cha mẹ, bình thường học trò phải theo thầy. Thầy dạy điều gì? Dạy giáo dục đời sống. Dạy học trò vẩy nước quét dọn, đối đáp ứng xử, dạy những giáo dục này. Dạy trẻ nhỏ làm việc, dạy trẻ làm thế nào chăm sóc cha mẹ, làm thế nào chung sống hòa hợp với anh chị em, cho nên nó là thuộc về giáo dục đời sống. Từ nhỏ đã dạy dỗ, trẻ biết hiếu đễ.

Về mặt học thuật, thì dạy trẻ những gì? Chính là dạy trẻ vô tri, dạy trẻ đọc sách, đọc sách thì chỉ dạy trẻ đọc tụng, không giảng giải ý nghĩa. Như Tứ thư, Ngũ kinh, các loại sách này thầy giáo dạy bạn đọc, mỗi ngày dạy bạn đọc một đoạn, dạy bạn học thuộc lòng, thuộc lâu rồi còn phải gấp sách lại đọc 100 lần, đọc 200 lần. Vì sao số lần đọc thuộc lòng nhiều đến như vậy? Để cả đời bạn cũng không thể quên, đây là ý nghĩa thứ nhất. Bên trong còn có một ý nghĩa cực kỳ quan trọng, đó là nếu không có việc gì bảo trẻ nhỏ làm thì nó sẽ nghĩ tưởng lung tung, nghĩ tưởng lung tung là phiền não, là bệnh, không phải việc tốt, trí tuệ chẳng còn nữa. Thế nên thầy giáo dùng phương pháp này, dạy học thuộc sách, thuộc rồi thì không khởi vọng tưởng. Dùng phương pháp này đem vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của học trò loại bỏ đi, giúp cho tâm học trò được thanh tịnh, phương pháp này chính là tu căn bản trí, Bát-nhã vô tri.

Dùng phương pháp này để bồi dưỡng học trò, từ 7 tuổi đến khoảng chừng 12 tuổi, đây là giáo dục của thời xưa. Tất cả những sách cần phải học thì học trò đều đã thuộc hết, nhưng ý nghĩa là gì thì không hiểu. Học trò không có vọng tưởng. Giáo dục thời xưa là từ tiểu học rồi lên đại học, trong đó không có trung học. Mười ba tuổi liền có thể học thái học, trước đây gọi là thái học, không có những danh từ như trung học, đại học. Thái học thời đó thì giống như đại học ngày nay của chúng ta, đến trường học đó chính là cầu trí tuệ, cầu hậu đắc trí là vô sở bất tri. Bạn xem giai đoạn giáo dục phía trước là dạy bạn vô tri, giáo dục phía sau là dạy bạn vô sở bất tri. Vì thế, khi lên thái học thầy giáo trong trường sẽ giảng giải, những sách mà bạn trước đây đã từng đọc bây giờ thầy giáo sẽ giảng giải cho bạn, các bạn đồng học cùng nhau qua lại nghiên cứu thảo luận, làm công việc này. Cho nên, người thời xưa đọc sách cảm thấy vui, rất vui vẻ! Khi đến thái

học thì không cần mang theo sách, không giống như hiện nay đi học phải mang theo một đống sách vở trong cặp, nhìn thấy rất đáng thương, mang vác quá nặng nề.

Khi xưa học thái học không cần sách vở, những sách đó mỗi học sinh từ nhỏ đều đã thuộc lòng; vừa giảng tới bộ sách nào, trang thứ mấy, hàng thứ mấy, chữ thứ mấy mọi người đều biết, đều thông thuộc, vậy họ còn cần sách để làm gì! Thế nên, bạn nói xem loại nghiên cứu thảo luận đó vui sướng biết bao, trích dẫn trong kinh điển, tùy ý nhắc đến chỗ nào thì mọi người đều đã thuộc rất nhuần nhuyễn, đều biết cả. Không cần phải tra cứu tham khảo tài liệu như hiện nay, tìm hết nửa ngày mà vẫn tìm chưa thấy! Giáo dục thời đó có đặc sắc của nó.

Khi nói đến một bộ sách, trang thứ mấy, dòng thứ mấy, chữ thứ mấy thì bạn không thể không bội phục người Trung Quốc chúng ta có đầu óc khoa học. Bất luận là sao chép, bất luận là khắc bản để in ấn, sách của Trung Quốc không có dấu chấm câu để nhận biết, mỗi trang 10 hàng, mỗi hàng 20 chữ, lấy đó là tiêu chuẩn. Bất luận là sách của nhà nào, bạn sao chép cũng được, bạn in ấn cũng được, đều là một trang 10 hàng, một hàng 20 chữ. Thế nên, nói trang thứ mấy, hàng thứ mấy bạn đều biết, bất kể bạn là nhà xuất bản nào, toàn quốc đều thống nhất giống nhau. Không như sách in hiện nay, một trang bao nhiêu hàng, một hàng bao nhiêu chữ đều không có nhất định. Nếu bạn không tìm được bản in đó xuất bản năm nào, xuất bản ở đâu thì bạn sẽ không tra ra được. Trước đây là thống nhất, vì vậy sách thời xưa của Trung Quốc là sách buộc chỉ, hàng lối là thống nhất; chỉ cần là sách buộc chỉ thì cho dù là nhà khắc bản nào đi nữa cũng đều là giống nhau, đây là đầu óc khoa học.

Cho nên, thầy giáo dạy học trong thái học không nhất định phải dạy ở trong lớp, đa phần là du sơn ngoạn thủy. Một vị thầy có khoảng mười mấy học trò, học trò đi theo hầu thầy, khi có việc gì thì học trò chủ động làm thay, chuẩn bị một ít rượu và thức ăn, có một chiếc xe nhỏ đẩy thầy đi du sơn ngoạn thủy, đi đến đâu thì giảng đến đó, như đi du lịch vậy. Sau khi đi hết 3, 4 tháng trở về thì khóa trình này cũng đã học xong. Đọc vạn quyển sách đi vạn dặm đường. Loại du ngoạn đó không nhất định là đi chơi, trong đó có tham quan học hỏi. Giảng đến những chỗ nào liền dẫn bạn đi xem thực tế nơi đó, chân thật là tăng trưởng học vấn, tăng trưởng trí tuệ. Chúng ta xem thấy phương thức giáo dục thời xưa ở trong sách cô thì vô cùng ngưỡng mộ, thực sự thì giáo dục thời nay không thể nào sánh bằng, giáo dục thời xưa chân thật là tốt đẹp, chân thật được an vui! Thành tựu vô sở bất tri cho bạn.

Cho nên, ở trong thái học học được vài năm thì tham gia thi cử quốc gia, lúc đó là kỳ thi cao đẳng, cao nhất là kì thi quốc gia, trúng tuyển rồi gọi là tiến sĩ, tiến sĩ là học vị, đây là kì thi cao cấp của quốc gia, khi đỗ đạt rồi thì gọi học vị này là tiến sĩ.

Người thông thường phần nhiều lấy được bằng cử nhân, cử nhân thì kém một bậc, là bậc thứ hai, thuộc kỳ thi tỉnh. Thi tỉnh hiện nay giống như kỳ thi do phòng giáo dục tỉnh tổ chức vậy, khi trúng tuyển rồi gọi là cử nhân. Kỳ thi do quốc gia tổ chức khi trúng tuyển thì gọi là tiến sĩ, thời đó gọi là công danh, ngày

nay chúng ta gọi là đạt yêu cầu. Khi thi cử đỗ đạt rồi chính phủ liền có thể phân bổ bạn đến chính quyền địa phương để làm huyện trưởng; thế nên chúng ta xem thấy trong sách xưa có rất nhiều người chưa đầy 20 tuổi họ đã thi đậu, họ làm huyện trưởng, cũng làm được rất tốt. Hiện nay chưa đủ 20 tuổi thì vẫn là trẻ nhỏ. Vào lúc đó họ đã có thể làm quan phụ mẫu, không chỉ quản lý hành chính mà còn quản lý tư pháp, tại địa phương đó họ là quan thẩm phán cao nhất, xét xử vụ án. Người ta có căn bản trí và hậu đức trí, không nên xem họ ít tuổi, họ đích thực có trí tuệ, có năng lực, đây là giáo dục thời xưa của Trung Quốc.

Giáo dục của Phật pháp cũng là như vậy, bất luận tại gia hay xuất gia học Phật đều phải năm năm học giới, hiện nay không còn nữa. Năm năm học giới đó không phải là học giới luật, mà là năm năm theo một vị thầy, chuyên môn tiếp nhận sự chỉ dạy của một vị thầy gọi là năm năm học giới. Bạn năm năm theo một vị thầy là bạn đi một con đường, một phương hướng, bạn dễ thành tựu. Sự thành tựu trong Phật pháp, hôm qua đã nói với chư vị rồi, đó là tâm thanh tịnh.

Học theo một vị thầy thì tâm dễ được thanh tịnh, hai vị thầy thì có hai cách nói, sau khi nghe xong bạn sẽ hoài nghi, rốt cuộc thầy nào nói mới đúng! Ba vị thầy sẽ có ba cách nói, thầy của bạn càng nhiều thì càng rắc rối, càng phiền phức. Cho nên, thời xưa ở Trung Quốc là chỉ cầu học với một vị thầy, nhất định không thể đồng thời theo hai vị thầy, bạn đi là một con đường, thầy giáo đối với học trò phải chịu trách nhiệm tuyệt đối, học trò học không thành tựu là thầy giáo dạy học thất bại, đây là điều nhất định không thể được, cho nên thầy giáo đối với học trò phải chịu trách nhiệm hoàn toàn. Nhưng học trò đối với thầy giáo thì nhất định phải y giáo phụng hành, phối hợp mật thiết mới có thể thành tựu. Học trò mà không nghe lời thì dầu cho thầy giáo có giỏi cách mấy cũng không thể dạy. Cho nên, học trò nhất định phải nghe lời, thầy giáo phải gánh lấy trách nhiệm thành bại của cả đời học trò.

Không giống như thầy giáo ngày nay, thầy giáo ngày nay không chịu trách nhiệm đối với học trò. Kỳ thật mà nói là gánh không nổi trách nhiệm, khi thầy giáo nghiêm túc dạy thì học trò lại muốn đánh thầy giáo, như vậy thì làm sao được! Bạn muốn trách phạt học trò thì phụ huynh lại đi viết đơn kiện, vậy thì phiền phức lớn lắm. Cho nên, ngày nay làm thầy giáo rất vất vả, không thể dạy học trò. Tôi cũng đã làm thầy không ít năm nên sâu sắc hiểu rõ tình cảnh này, thật sự là không có cách gì dạy bảo. Nếu như chúng ta xem quá khứ và hiện tại thì sẽ hiểu đôi chút về giáo học này, rồi sau đó đối với phương thức này của Phật pháp chúng ta tự nhiên sẽ cảm thấy bội phục.

Phía sau trí tuệ là “*đại tam-muội quang minh vân*”, tam-muội là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Trung Quốc nghĩa là chánh thọ, thọ là sự hưởng thụ, hưởng thụ bình thường. Hưởng thụ bình thường là an vui chân thật, tự tại, hạnh phúc, mỹ mãn; trong hưởng thụ không bình thường có khổ, có vui, có lo, có mừng. “Khổ, vui, lo, mừng” là không bình thường, cho nên trong đó có phiền não, trong hưởng thụ bình thường chỉ có vui không có khổ, không có phiền não. Đây là danh từ Phật học, gọi là tam-muội, “*đại tam-muội quang minh vân*”. Từ đây có thể biết, trong Phật pháp dạy chúng ta những gì? Dạy chúng ta ở ngay trong đời sống đạt được hưởng thụ bình thường.

“*Đại cát tường quang minh vân*”, những gì gọi là cát tường chính là hết thảy những việc làm hợp tình, hợp lý, hợp pháp, đây gọi là cát tường. Một tờ hào trái ngược cũng không có, không trái với tình, lý và pháp, mọi mặt đều đầy đủ, mọi mặt đều viên mãn, đây là trong tâm địa vốn sẵn đầy đủ.

“*Đại phước đức quang minh vân*”, người Trung Quốc chúng ta thường nói về “ngũ phước”, trong ngũ phước thì thứ nhất là tài phú, đời sống vật chất của chúng ta không thiếu thốn, có tiền của. Thứ hai là phú quý, chính là có địa vị trong xã hội, quý là có địa vị, được xã hội đại chúng tôn kính. Đến sau cùng là thọ khảo, thọ là trường thọ, khảo là chết an lành, chết được rất nhẹ nhàng, khi đi không hề có đau đớn khổ sở, trong tâm rất rõ ràng, rất sáng tỏ, không mê hoặc, không điên đảo, biết được chính mình sẽ đi tới đâu, biết rõ chính mình lúc nào sẽ ra đi, điều này tốt! Ở trong năm loại phước thì phước này là phước báo lớn nhất. Bởi vì bạn đi được tốt thì đời sau của bạn so với đời này sẽ càng tốt hơn. Quý vị thử nghĩ xem, có người thông minh nào, người đầu óc tỉnh táo nào lại bằng lòng đi làm ngạ quỷ, đi làm súc sanh, đi xuống địa ngục, không có một người nào chịu làm việc này hết! Phàm đến ba đường ác đều là người mê hoặc điên đảo, khi ra đi thì mơ mơ hồ hồ, bất tỉnh nhân sự, đây là điều đáng sợ nhất.

Một người khi chết rất rõ ràng, rất sáng tỏ, cho dù không học Phật họ cũng không đọa vào ba đường ác, đây là ở trên kinh điển đức Phật đã giảng cho chúng ta rất rõ ràng. Nếu người nào muốn ra đi được tốt thì phải tích đức, phải hành thiện, đây là quả báo chân thật. Niệm Phật vãng sanh Tây Phương Tịnh độ gặp A-di-đà Phật, đây là thiện trong thiện.

Trong hai năm gần đây, chúng tôi ở Singapore, Malaysia chỉ ít cũng thấy được tới bảy người vãng sanh có thoai tướng, những người trợ niệm đều thấy được, họ ra đi vô cùng an lành, đây là chân thật có phước. Biết trước giờ đi, tự mình biết được lúc nào sẽ ra đi, nói với mọi người rằng Phật đến tiếp dẫn, sự việc này là thật, tuyệt đối không phải là giả. Đời người sống ở thế gian này rất ngắn ngủi, việc này nhất định phải giác ngộ. Chúng ta ở thế gian này, bạn nói xem có thể ở được bao nhiêu năm, sao bạn vẫn còn khởi vọng tưởng. “*Trên đường đến suối vàng không phân biệt già trẻ*”, bạn biết được bạn có thể sống qua bao nhiêu ngày nữa hay không? Người thông minh là người có tính cảnh giác cao, trong tâm đều có chuẩn bị. Chúng ta sống ở thế gian này như ở quán trọ mà thôi, không phải là quê hương, chỉ ở mấy ngày mà thôi.

Nhìn thấy một người thân thể rất khỏe mạnh bỗng nhiên ra đi. Tôi nghe nói Pháp sư Chân Thiên, trụ trì chùa Phật Ngọc ở Thượng Hải hai năm trước đã đến nơi này của quý vị, sức khỏe của sư Chân Thiên rất tốt, sức khỏe của Pháp sư Minh Dương ngược lại không tốt, ông thường xuyên bị bệnh, tôi cảm thấy lo ngại là ông không sống được bao lâu nữa. Không ngờ tới người qua đời lại là sư Chân Thiên, còn sư Minh Dương vẫn rất khỏe, không thể ngờ được! Mạng người vô thường, đừng xem thấy thân thể rất khỏe mạnh, nói không chừng hai ngày thì đi rồi, không thể không đề cao cảnh giác, nỗ lực niệm Phật cầu sanh Tịnh độ.

Cầu sanh Tịnh độ thì bạn được vô lượng thọ. Nói với quý vị, người vãng sanh Tịnh độ họ không chết, lúc họ đi nhìn thấy A-di-đà Phật đến tiếp dẫn, bảo

với mọi người: “Phật đến đón tôi rồi, tôi đi theo Phật đây”. Họ đâu phải chết rồi mới đi, mà là đang sống mà ra đi, túi da thối này không cần nữa, vứt bỏ đi không cần nữa, họ sống mà ra đi. Cho nên, pháp môn này gọi là pháp môn thành tựu ngay trong một đời, không phải là chết rồi mới đi, chết rồi thì không còn cách gì nữa, phải đi trong lúc còn sống. Phước báo lớn chính là thân thể khỏe mạnh, công phu rất tốt, rất minh mẫn mà nói với bạn: “Phật đến đón tôi rồi. Tôi đi theo Phật đây!” Dặn dò rất rõ ràng, rất tường tận. Người phước báo kém một chút, nghiệp chướng nặng một chút thì lúc lâm chung thấy Phật đến tiếp dẫn họ, miệng họ muốn nói với bạn nhưng đã không nói thành tiếng nữa. Bạn thấy môi của họ mấp má, chúng ta cho rằng họ đang cùng chúng ta niệm Phật, kì thật không phải, họ nói với chúng ta rằng Phật đã đến tiếp dẫn, rất muốn nói với chúng ta nhưng đã nói không thành tiếng, đấy cũng là thật sự đi, chân thật vãng sanh rồi.

Thế nên, vãng sanh là đang sống mà đi, vãng sanh là bất tử! Tôi thường hay nói Phật pháp Đại thừa không già, không bệnh, không chết, đây là thật, một chút cũng không giả. Bạn chỉ cần biết được đạo lý, lý luận, hiểu được phương pháp thì chúng ta chắc chắn sẽ đạt được. Bạn làm trái với lý luận, trái với phương pháp này vậy thì bạn sai rồi. Phương pháp này từ xưa đến nay các vị Bồ-tát, đại đức đều nói là hiếm có khó gặp. Ngày nay chúng ta có thể gặp được là vô cùng may mắn, quả thật hiếm có khó gặp. Sau khi gặp được rồi phải trân quý, phải chăm chỉ nỗ lực, quyết định không thể để luống qua. Đây là giảng về đại phước đức, niệm Phật chính là đại phước đức.

“*Đại công đức quang minh vân*”, công đức và phước đức không giống nhau. Công là công phu, đức là thành tựu. Thí dụ nói trì giới là có công, đắc định rồi, định đó là đức, giới là công, định là đức. Tu định có công, khai trí tuệ rồi thì trí tuệ đó là đức. Nếu như trì giới không thể đắc định thì giới đó không tính là công; giới mà không có công thì giới đó tính là phước, đó chính là phước đức. Trong công đức nhất định có phước đức, trong phước đức chưa hẳn có công đức, đây là điều đồng tu học Phật chúng ta không thể không biết.

Nhà Phật thường hay khuyên chúng ta phải tu công đức, cái gì là công đức? Ra bên ngoài quyên góp vài đồng tiền rồi cho rằng chính là có công đức. Sai rồi! Đó đâu phải là công đức, làm gì có công đức! Việc ấy không có công đức, đấy là phước đức. Bạn ở tự viện, chùa chiền làm một chút việc từ thiện đó là phước báo, phước đức, đó là tu phước không phải là công đức, công là công phu.

Chúng ta niệm Phật phải niệm đến tâm địa của chính mình thanh tịnh, phải làm cho vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, phiền não của chính mình thấy đều ngừng dứt, niệm Phật như vậy mới có công. Vì sao vậy? Phiền não của chúng ta nhẹ, trí tuệ tăng trưởng đây là đức! Bạn mới có đức. Niệm Phật dù niệm được nhiều hơn, nhưng một ngày từ sáng đến tối vẫn cứ nghĩ tưởng lung tung, vẫn là phiền não chòngh chất, công đức niệm Phật đó đều không có. Công đức không có, vậy tính là gì? Là phước, họ đã tu phước. Cho nên, công đức và phước đức phải phân biệt cho rõ ràng, công đức nhất định là chú trọng ở tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, đây là công đức. Cho nên, công đức là hướng vào bên trong mà cầu, không phải hướng ra bên ngoài.

Theo quan niệm của người thông thường thì bố thí, cúng dường là phước đức, không phải là công đức, còn trong kinh điển Đại thừa liễu nghĩa<sup>1</sup> thì nói bố thí cúng dường là công đức, ở bên trong cũng bao gồm cả phước đức. Nhưng những việc này nếu như không giảng tỉ mỉ bạn sẽ không hiểu. Thí dụ như gần đây chúng tôi giảng kinh Kim Cang, trên kinh Kim Cang nói về bố thí, bố thí đó không phải bảo bạn đem một chút tiền của đến chùa để bố thí, không phải ý này. Bố thí đó là nói về toàn bộ đời sống của bạn. Hay nói cách khác, cả cuộc đời của chư Phật, Bồ-tát chính là vì hết thảy chúng sanh làm ra một tấm gương tốt nhất, mô phạm tốt nhất, đó chính là bố thí. Các ngài làm ra một hình mẫu tốt cho bạn xem, dạy bạn học tập theo các ngài, bạn xem phạm vi bố thí đó rộng lớn biết bao, đó là công đức.

Mở đầu của kinh Kim Cang cùng với các kinh thông thường là không giống nhau, cũng không giống với kinh Địa Tạng, kinh Địa Tạng vừa mở đầu, phía trước là mười đại quang minh vân. Mở đầu kinh Kim Cang là đức Phật Thích-ca Mâu-ni đến thành Vương Xá khát thực, đắp y cầm bát, đây là mặc áo ăn cơm. Ngài mặc áo ăn cơm là làm hình mẫu cho chúng ta, làm một hình mẫu gì vậy? Giác mà không mê, chúng ta mặc áo ăn cơm là mê mà không giác. Chúng ta mặc áo ăn cơm là khổ, Phật, Bồ-tát mặc áo ăn cơm là vui, các ngài ở trong mặc áo ăn cơm giác ngộ, các ngài không mê hoặc, ngài thị hiện ra hình mẫu này cho chúng ta xem.

Người đọc kinh Kim Cang rất nhiều nhưng có nhìn ra điều này hay không? Nhìn không ra. Vì sao nhìn không ra? Tâm ý quá lơ là qua loa, không chú ý nên chẳng thể nhìn ra. Tôn giả Tu-bồ-đề nhìn ra được nên đã thốt lời tán thán: “*Hiếm có, Thế Tôn*”. Khen ngợi hiếm có vô cùng, sự giáo hóa thâm sâu như vậy, viên mãn như vậy biểu hiện ra ngay trong việc mặc áo ăn cơm, quả thật là hiếm có! Mặc áo ăn cơm sao gọi là giác? Giữ gìn tâm địa thanh tịnh là giác, giữ gìn trí tuệ viên mãn là giác. Chúng ta mặc áo ăn cơm là mê hoặc, khi ăn cơm luôn chú trọng đến màu sắc hương vị, đây là mê rồi, khởi tâm động niệm đã sinh phiền não. Mặc quần áo thì phải chọn lựa kiểu dáng, phải chọn lựa chất liệu, đây chính là mê hoặc điên đảo, là khởi phiền não. Trong đời sống hằng ngày khởi lên mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét, tham muốn, nổi lên thất tình ngũ dục, sanh ra phiền não.

Còn Phật, Bồ-tát mặc áo ăn cơm tâm địa vĩnh viễn thanh tịnh, một vọng niệm cũng không sanh, đây thật là cao minh. Cho nên, các ngài trải qua ngày tháng tùy duyên, mọi thứ đều tốt, mọi thứ đều tự tại. Chúng ta cứ cố chấp, cứ chấp trước, mọi thứ đều không tự tại. Hôm nay đeo viên kim cương rất đẹp, ngày mai lại nói không được, viên này nhỏ quá, muốn đeo viên to hơn, vậy là không

---

<sup>1</sup> Liễu nghĩa (了義): Nghĩa chân thật rốt ráo của các pháp được trực tiếp giải thích rõ ràng.

Giáo pháp trình bày trực tiếp, rõ ràng, tường tận, nghĩa lý chân thật của Phật đạo được gọi là Liễu nghĩa giáo. Như các kinh Đại thừa nói sinh tử Niết-bàn không khác. Kinh điển thuyết minh đạo lý này gọi là kinh liễu nghĩa, do Phật nói.

Còn như thuận theo trình độ chúng sanh mà dùng phương tiện, giáo tướng dẫn dắt, gọi là Bất liễu nghĩa giáo (Vị liễu nghĩa giáo). Như các kinh tuyên nói khiến cho chán lìa sinh tử, ham thích Niết-bàn, kinh nói giáo bất liễu này được gọi là kinh bất liễu nghĩa (kinh vị liễu nghĩa), do Bồ-tát nói ra.

tự tại rồi! Bạn nói xem, bạn trải qua đời sống khổ biết dường nào, sau khi chết rồi vẫn phải luân hồi, càng khổ hơn! Đây chính là không biết cách sống.

Phật, Bồ-tát thị hiện cho chúng ta xem, bạn thấy các ngài làm việc như thế nào? Các ngài xử sự đối người tiếp vật ra sao? Những gì các ngài dạy cho chúng ta toàn bộ đều là giáo dục đời sống, từng câu từng chữ có quan hệ mật thiết với đời sống thường ngày của chúng ta, không có một chữ nào tách rời đời sống của chúng ta. Như vậy bạn làm sao không thể không học Phật pháp cho được? Không thể không học! Cho nên, đây gọi là công đức, đây gọi là bố thí. Bố thí mà trong kinh Kim Cang nói chính là ý nghĩa này, Phật, Bồ-tát làm mô phạm, làm hình mẫu, làm điển hình cho chúng ta. Chúng ta là học trò của Phật, chúng ta cần phải làm tấm gương cho người chưa học Phật, chúng ta phải làm cho họ xem, phải làm hình mẫu tốt cho họ, đây mới là đệ tử Phật.

Chúng ta làm sao để học theo Phật? Ở trong kinh điển Phật dạy cho chúng ta những giáo huấn này, chúng ta phải đọc tỉ mỉ, trước tiên phải lý giải nó, hiểu rõ hoàn toàn rồi sau đó chúng ta phải làm được ở trong đời sống, làm được trong đời sống rồi thì chân thật được tự tại, chân thật được hạnh phúc, thật sự an vui không gì bằng. Vừa rồi đã nói qua, đời người rất ngắn ngủi, hà tất phải gây khó dễ với chính mình, hà tất phải làm cho mình cực khổ đến như vậy, sao không để cả đời trải qua được an vui, hạnh phúc? Khổ hay vui đều ở ngay nơi tâm của chính bạn, không phải người khác đem đến cho bạn, không phải hoàn cảnh đem đến cho bạn, hoàn cảnh không thể ảnh hưởng tới bạn, chính bạn phải ở trong hoàn cảnh làm chủ được, phải tự mình quyết định. Trong kinh điển Đại thừa thường nói: *“Nếu có thể chuyển cảnh tức đồng với Như Lai”*.

Phàm phu thật đáng thương, bị hoàn cảnh xoay chuyển, chịu ảnh hưởng bởi hoàn cảnh, việc này rất khổ, đây là mê hoặc điên đảo. Người giác ngộ thì hoàn cảnh không thể ảnh hưởng tới họ, chính họ sẽ ảnh hưởng tới hoàn cảnh. Hay nói cách khác, tự mình tạo nên vận mệnh, tự mình làm chủ vận mệnh, không phải vận mệnh làm chủ mình mà mình làm chủ vận mệnh. Toàn bộ những điều này đều là sự thật, chính chúng ta cũng có thể làm đến được, đều ở trong kinh luận Phật pháp. Kinh điển chân thật giảng được rất căn kẽ, chúng ta phải nghe kỹ càng, phải chăm chỉ học tập, không thể giảng sai. Nhưng ngày nay người giảng sai rất nhiều, đó chân thật gọi là làm xằng nói bậy, mê hoặc chúng sanh, lừa gạt đại chúng. Hiện nay sự việc này rất nhiều, chúng ta phải có con mắt trí tuệ mới có thể phân biệt được.

Phía sau là *“đại quy y quang minh vân, đại tán thán quang minh vân”*, việc này nói đến sau cùng thấy đều là tánh đức. Quy là quay đầu, chúng ta từ chỗ tất cả sai lầm quay đầu trở lại, chúng ta phải tìm nơi nương tựa, trước tiên nương tựa vào chư Phật, Bồ-tát, sau đó nương tựa vào tự tánh. Cho nên nương tựa vào chư Phật, Bồ-tát là tạm thời, thời gian không dài. Bởi vì hiện tại chúng ta vẫn chưa biết tự tánh nên trước tiên phải nương vào thầy, vì chưa biết đường đi nên mình phải nhờ vào người biết đường rồi đi theo họ. Khi mình đã biết đường rồi thì không còn nhờ vào họ nữa, chính mình phải tự đi, với lại có thể dẫn theo người khác. Khi chưa biết đường thì phải theo sau một người biết đường. Chư Phật, Bồ-tát là người từng trải, biết đường đi, nên trước tiên phải theo các ngài, nương nhờ



các ngài. Đến khi chính mình thật sự lý giải, thể hội, đạt được thọ dụng rồi thì bạn tự nhiên sẽ tán thán, tán thán chính là tuyên dương, đem chỗ tốt, công đức lợi ích của Phật pháp Đại thừa giới thiệu rộng rãi cho hết thảy đại chúng, đây gọi là “đại tán thán quang minh vân”. Giống như đức Phật giảng kinh thuyết pháp suốt 49 năm chính là tán thán công đức viên mãn trong tự tánh của hết thảy chúng sanh.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây, ngày mai chúng ta tiếp tục học.